

Số: 71/2025/QĐST-HNGĐ

Ba Tri, ngày 21 tháng 5 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 152/2025/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Bé H, sinh năm 1994.

Địa chỉ: số 294/AQ, ấp A, xã V, huyện B, tỉnh B.

- *Bị đơn*: Anh Huỳnh Trọng T, sinh năm 1997.

Địa chỉ: số 101/GCA, ấp G, xã A, huyện B, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 5 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 5 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bé H và anh Huỳnh Trọng T. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 22, ngày 02/6/2023 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh B chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

2. Công nhận sự thoả thuận giữa các đương sự:

2.1. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bé H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Phước T, sinh ngày 03/02/2024. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Huỳnh Trọng T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Huỳnh Trọng T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Về tài sản chung: Chị H và anh T không yêu cầu giải quyết.

2.3. Về nợ chung: Chị H và anh T trình bày không có.

2.4. Án phí hôn nhân và gia đình hòa giải thành là: 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) chị Nguyễn Thị Bé H tự nguyện nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009223 ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Sau khi khấu trừ, chị H được nhận lại số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Văn Lâm